

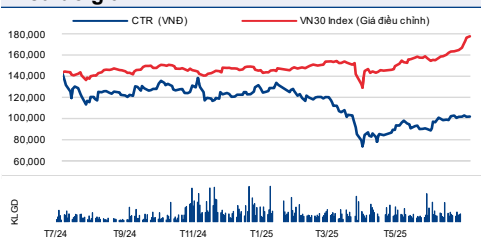
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ123,000
Tiềm năng tăng/giảm: 20.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/7/2025)	101,900
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,900-142,488
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	101,967
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,656
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	446
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,355	16,458
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,233	1,592
LNTT (tỷ đồng)	672	738	857
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	442	513
FCF (tỷ đồng)	340	(388)	(3.09)
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,865	4,487
DPS (đồng)	1,000	1,200	1,500
BVPS (đồng)	16,305	18,970	21,957
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.5	29.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	9.76	16.1
Tăng trưởng DPS (%)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.59	9.67
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.14	5.21
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.12	4.17
Tỷ lệ LN trả CT (%)	28.4	31.0	33.4
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	82.2	81.7
ROAE (%)	27.9	29.3	29.3
ROACE (%)	29.5	28.7	28.4
EV/doanh thu (lần)	0.92	0.86	0.76
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.2	10.0	7.83
P/E ĐC (lần)	28.9	26.4	22.7
P/B (lần)	6.25	5.37	4.64
Lợi suất cổ tức (%)	0.98	1.18	1.47

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên phân tích cao cấp, Ngành
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2025: LNTT tăng 12% so với cùng kỳ & 17% so với quý trước, vượt dự báo 6%

- LNTT sơ bộ Q2/2025 của CTR tăng 12% so với cùng kỳ (và 17% so với quý trước) đạt 181 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 3.277 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước).
- Riêng trong tháng 6/2025, doanh thu thuần tăng 6% so với cùng kỳ đạt 1.109 tỷ đồng, trong khi LNTT tăng mạnh 27% so với cùng kỳ đạt 69 tỷ đồng (tăng 22% so với tháng trước). Mảng giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật (tăng 41% so với cùng kỳ) và mảng cho thuê hạ tầng (tăng 39% so với cùng kỳ) là hai động lực tăng trưởng doanh thu chính trong tháng.
- Tính chung nửa đầu năm 2025, LNTT đạt 335 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ và bằng 45% dự báo cả năm của HSC, sát với dự báo. Trong nửa đầu năm 2025, CTR triển khai thêm 770 trạm BTS mới, nâng tổng số lên 10.770 trạm tại thời điểm cuối tháng 6, trong khi tỷ lệ dùng chung trạm duy trì ở mức 1,03 lần.
- Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng tăng giá 21%).

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q2/2025

LNTT sơ bộ Q2/2025 của CTR tăng 12% so với cùng kỳ (và 17% so với quý trước) đạt 181 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 3.277 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ và 19% so với quý trước).

Riêng trong tháng 6, doanh thu thuần đạt 1.109 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ, trong khi LNTT tăng mạnh 27% so với cùng kỳ (và 22% so với tháng trước) đạt 69 tỷ đồng. Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu của CTR tăng 6% so với cùng kỳ đạt 6.015 tỷ đồng và LNTT tăng 10% so với cùng kỳ đạt 335 tỷ đồng.

LNTT tăng 12% so với cùng kỳ nhờ tăng trưởng vững chắc ở tất cả các mảng

LNTT sơ bộ Q2/2025 của CTR tăng 12% so với cùng kỳ (và tăng 17% so với quý trước) đạt 181 tỷ đồng. Theo ước tính của HSC, lợi nhuận thuần sơ bộ Q2/2025 đạt khoảng 145 tỷ đồng, cao hơn 6% so với ước tính của HSC là 137 tỷ đồng. Với KQKD khả quan trong Q2, LNTT nửa đầu năm 2025 đạt 335 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ) và doanh thu thuần đạt 6.015 tỷ đồng (tăng 6% so với cùng kỳ). Như vậy, CTR đã đạt lần lượt 42% và 45% dự báo lợi nhuận và doanh thu cả năm 2025 của chúng tôi, tương đối sát với kỳ vọng hiện tại.

Mảng giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật trở thành động lực tăng trưởng chính trong tháng 6/2025. Nhìn chung, CTR ghi nhận tăng trưởng hai chữ số mạnh mẽ ở hầu hết các mảng trong Q2/2025, ngoại trừ mảng vận hành (Bảng 3). Cụ thể như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ Q2/2025, CTR

LNTT tăng mạnh 12% so với cùng kỳ và 17% so với quý trước trong Q2/2025

Tỷ đồng	2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	HSC dự báo 2025	% hoàn thành db
Doanh thu	3,277	8.2%	19.0%	6,015	6.4%	14,355	41.9%
LNTT	181	12.0%	17.4%	335	9.7%	738	45.4%
Tỷ suất LNTT (%)	5.5%	+0.9ppts	+1.0ppts	5.6%	+0.2ppts	5.1%	

Nguồn: CTR, HSC

- **Mảng cho thuê hạ tầng viễn thông** duy trì đà tăng trưởng mạnh, tăng 39% so với cùng kỳ đạt 72 tỷ đồng trong tháng 6/2025 và tăng 44% so với cùng kỳ đạt 212 tỷ đồng trong Q2/2025. Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu từ mảng cho thuê hạ tầng viễn thông đạt 793 tỷ đồng, tăng 46% so với cùng kỳ và đóng góp 6,8% tổng doanh thu (mở rộng đáng kể so với mức 5% trong nửa đầu năm 2024). Tại thời điểm cuối tháng 6, CTR đã bổ sung thêm 770 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm lên 10.770. Trong đó, có 363 trạm có trên hai khách thuê, và tỷ lệ dùng chung trạm duy trì đi ngang so với đầu năm ở mức 1,03 lần.

Tiến độ triển khai trạm BTS mới trong Q2/2025 chậm lại với 420 trạm mới được bổ sung, giảm so với 1.220 trạm trong cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do chậm trễ trong quá trình thu xếp mặt bằng, khi CTR ưu tiên lựa chọn các vị trí có thể được sử dụng bởi cả ba nhà mạng lớn, nhằm tối ưu hóa doanh thu cho thuê hạ tầng viễn thông. Dù vậy, HSC kỳ vọng tốc độ triển khai sẽ tăng tốc trong nửa cuối năm, và giữ nguyên dự báo cả năm 2025 là 3.000 trạm BTS mới, so với 770 trạm được triển khai trong nửa đầu năm.

- Doanh thu **mảng giải pháp tích hợp & dịch vụ kỹ thuật** tăng mạnh 41% so với cùng kỳ và 58% so với tháng trước, đạt 193 tỷ đồng trong tháng 6/2025, được dẫn dắt nhờ mức tăng khoảng 30% so với tháng trước của phân khúc năng lượng mặt trời. Kết quả này tiếp tục khẳng định vị thế số 1 của CTR trên thị trường điện mặt trời áp mái tại Việt Nam. Trong Q2/2025, phân khúc này ghi nhận doanh thu 452 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ và 33% so với quý trước. Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu đạt 793 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ.
- Doanh thu **mảng xây dựng** giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ nhưng tăng 24% so với tháng trước, đạt 378 tỷ đồng trong tháng 6/2025. Trong Q2/2025, doanh thu mảng này đạt 1.100 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và 37% so với quý trước. Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu đạt 1.903 tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ), được thúc đẩy bởi tiến độ triển khai tích cực của các dự án dân dụng – tăng 30% về số lượng dự án bàn giao, tương đương khoảng 700 dự án.
- Doanh thu **mảng vận hành** trong tháng 6/2025 giảm 3% so với cùng kỳ (và 6% so với tháng trước) đạt 459 tỷ đồng. Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu mảng này đi ngang, đạt 2.884 tỷ đồng. HSC cho rằng kết quả kém tích cực này phản ánh xu hướng suy giảm chỉ tiêu CNTT trên toàn quốc trong bối cảnh kinh tế còn nhiều bất định. Trong giai đoạn này, hoạt động chính của CTR là cung cấp dịch vụ vận hành & bảo trì (O&M) cho Viettel.

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu, dự báo

HSC ước tính lợi nhuận thuần sơ bộ Q2/2025 đạt khoảng 145 tỷ đồng (tăng 25% so với cùng kỳ và tăng 19% so với quý trước), vượt 6% so với dự báo 137 tỷ đồng của chúng tôi và phù hợp với quan điểm tích cực về triển vọng ổn định của Công ty.

KQKD nửa đầu năm 2025 của CTR đã đạt 42% dự báo doanh thu và 45% dự báo LNTT cho cả năm của HSC, sát với dự báo. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng tăng giá 21%). Đồng thời, chúng tôi cũng giữ nguyên dự báo năm 2025 với lợi nhuận thuần đạt 591 tỷ đồng (tăng trưởng 10%) và EBITDA là 1.233 tỷ đồng (tăng trưởng 19%).

Sau khi giá cổ phiếu tăng 17% trong 3 tháng qua, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA trượt dự phóng 1 năm là 10,1 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 11,1 lần.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu T6/2025 và 6 tháng đầu năm 2025, CTR

Mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật (tăng 41% so với cùng kỳ) và mảng cho thuê (tăng 39% so với cùng kỳ) là động lực chính thúc đẩy doanh thu

Tỷ đồng	T6/2024	6T/2025	So với cùng kỳ	6T24	6T25	So với cùng kỳ	Tỷ trọng 6T24	Tỷ trọng 6T25	T6/2024
Doanh thu thuần	1,045	1,109	6.1%	11.7%	5,652	6,015	6.4%	100.0%	100.0%
Vận hành	474	459	-3.2%	-5.9%	2,880	2,884	0.1%	51.0%	47.9%
Xây dựng	382	378	-1.2%	24.1%	1,731	1,903	9.9%	30.6%	31.6%
Giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	137	193	41.3%	58.2%	718	793	10.5%	12.7%	13.2%
Cho thuê hạ tầng	52	72	38.8%	4.6%	283	411	45.6%	5.0%	6.8%

Nguồn: CTR, HSC

Bảng 3: Cơ cấu Q2/2025, CTR

Các mảng đều tăng trưởng mạnh ở mức 2 chữ số trong Q2/2025, trừ mảng vận hành

Tỷ đồng)	Q2/24	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước
Doanh thu thuần	3,028	3,277	8%	19%
- Vận hành	1,505	1,485	-1%	6%
- Xây dựng	967	1,100	14%	37%
- Giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	393	452	15%	33%
- Cho thuê hạ tầng	148	212	44%	7%
LNTT	161	181	12%	17%

Nguồn: CTR, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,355	16,458	18,474
Lợi nhuận gộp	902	884	1,080	1,256	1,436
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(287)	(329)	(369)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.74)	(6.58)	(7.39)
EBIT	652	713	787	920	1,059
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	656	672	738	857	988
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(148)	(171)	(198)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	525	538	591	686	791
Lợi nhuận thuần ĐC	397	403	442	513	592
EBITDA ĐC	910	1,032	1,233	1,592	1,842
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200	1,500	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	739	795	723
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	574	658	739
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,230	3,621	3,972
Hàng tồn kho	790	610	646	724	794
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	122	132	139
Tổng tài sản ngắn hạn	5,689	5,421	5,311	5,930	6,367
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	2,268	2,510	2,531
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	22.5	25.7	28.9
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,685	2,642	2,794	2,722
Tổng cộng tài sản	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,148	1,317	1,108
Phải trả người bán	581	608	718	823	924
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	4,602	4,653	4,911	5,275	5,258
Nợ dài hạn	378	573	872	938	957
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	392	588	872	938	957
Tổng nợ phải trả	4,994	5,241	5,784	6,213	6,215
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
BVPS (đ)	17,456	16,305	18,970	21,957	25,130
Nợ thuần*/(tiền mặt)	755	738	1,281	1,459	1,342

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	787	920	1,059
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(671)	(783)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(148)	(171)	(198)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	(129)	(274)	(229)
Khác	96.6	(133)	110	(265)	(281)
LCT thuần từ HKKD	573	1,141	1,012	817	1,058
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(1,400)	(820)	(708)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.73)	(3.29)	(3.15)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(600)	(1,403)	(823)	(711)
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(137)	(172)	(229)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	396	234	(189)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9.31)	(474)	243	62.2	(418)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	739	795
LCT thuần trong kỳ	404	66.8	(148)	55.8	(71.7)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	885	739	795	723
Dòng tiền tự do	89.7	340	(388)	(3.09)	350

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.53	7.63	7.77
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.59	9.67	9.97
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.12	4.17	4.28
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	13.8	14.7	12.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.5	29.1	15.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	28.4	31.0	33.4	38.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	29.3	29.3	29.4
ROACE (%)	30.3	29.5	28.7	28.4	29.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.91	1.97	2.07
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.29	0.89	1.00
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.8	17.4	17.0
Số ngày phải thu	105	91.4	88.8	86.9	85.1
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.8	19.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	82.2	81.7	70.5
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	31.7	32.6	30.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	16.1	14.5	15.0
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	2.05	1.79	1.49
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.08	1.12	1.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.00	0.92	0.86	0.76	0.66
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.5	11.2	10.0	7.83	6.66
P/E (lần)	29.4	28.9	26.4	22.7	19.7
P/E ĐC (lần)	29.4	28.9	26.4	22.7	19.7
P/B (lần)	5.84	6.25	5.37	4.64	4.05
Lợi suất cổ tức (%)	2.67	0.98	1.18	1.47	1.96

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn